kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 3 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 12

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 26/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: H12.CK1.033

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cho $55,8$ g aniline ($M = 93$) tác dụng hết với nước bromine. Số mol Br_2 đã phản ứng là

A. $0,6$ mol **B.** $1,8$ mol **C.** $3,6$ mol **D.** $1,2$ mol

Câu 2. Quá trình quang hợp ở cây xanh cần

A. nhiệt độ rất cao trên 100 °C **B.** môi trường acid mạnh

C. ánh sáng và chất diệp lục **D.** bóng tối hoàn toàn

Câu 3. Khi làm thí nghiệm với aniline, cách làm đúng là

A. Thao tác trong tủ hút và mang găng tay **B.** Rửa ngay bằng thật nhiều nước và xà phòng

C. Thu gom vào can chứa riêng để đưa đi xử lí **D.** Rửa cá bằng nước pha giấm hoặc nước chanh

Câu 4. Amino acid có công thức $C_6H_5 - CH_2 - CH(NH_2) - COOH$ có tên thường là

A. glycine **B.** phenylalanine **C.** serine **D.** alanine

Câu 5. Một coupon màng đóng gói có **ba lớp** xếp theo thứ tự X – Y – Z, dùng đúng một lớp PE, một lớp PET và một lớp PA-6 — nhưng hồ sơ ghi lớp nào là polymer nào **đã mất**. Màng đã bong lớp sau một chu trình nhiệt.

Polymer	Mắt xích	Khối lượng mắt xích (g/mol)	Khối lượng riêng (g/cm^3)
PE	C_2H_4	28	0,92
PET	$C_{10}H_8O_4$	192	1,38
PA-6	$C_6H_{11}NO$	113	1,14

Micrometer đo ba lớp đều lệch theo **cùng một hệ số** λ chưa biết: độ dày thật của một lớp bằng λ nhân số đọc. Khối lượng một lớp bằng diện tích × độ dày thật × khối lượng riêng (nhớ đổi μm sang cm: 1 $\mu m = 10^{-4}$ cm).

Phép đo trên coupon	Giá trị
Diện tích coupon	80 cm^2
Số đọc micrometer lớp X	48 μm
Số đọc micrometer lớp Y	53 μm
Số đọc micrometer lớp Z	60 μm
Khối lượng toàn coupon	$[1,55467;\ 1,55587]$ g
Khối lượng nitrogen (đã trừ nền, chia hiệu suất)	$[0,061777;\ 0,066258]$ g
Khối lượng oxygen (đã trừ nền, chia hiệu suất)	$[0,252821;\ 0,271161]$ g
Miền hiệu chuẩn của micrometer	$\lambda \in [0,90;\ 1,12]$

Ba phép khép. Khối lượng toàn coupon, khối lượng nitrogen và khối lượng oxygen đều cho dưới dạng **khoảng**. Phần khối lượng N và O của mỗi polymer phải tự tính từ mắt xích của nó. Lớp keo hiện có (nếu nhật kí ghi) đã được đo riêng và **trừ khỏi** cả khối lượng lẫn độ dày ở trên, còn N và O của nó nằm dưới giới hạn phát hiện.
Bảng mặt tiếp giáp. Màng có hai mặt tiếp giáp: mặt 1 giữa lớp X và lớp Y, mặt 2 giữa lớp Y và lớp Z. Bảng dưới nói cặp polymer nào **cần** lớp keo mới dính được. Nhật kí sản xuất ghi: **cả hai mặt đều không có lớp keo**.

Cặp polymer tiếp giáp	Có cần lớp keo không
PE – PET	không
PE – PA-6	không
PET – PA-6	có

Bốn phương án sửa. Mỗi phương án thêm lớp keo ở một hay hai mặt, kèm phần khối lượng và độ dày tăng thêm. Coupon sau khi sửa không được nặng thêm quá 0,024 g và không được dày thêm quá 10 μm.

Phương án	Thêm lớp keo ở	Khối lượng thêm (g)	Độ dày thêm (μm)
A	mặt 1, mặt 2	0,012	19
B	mặt 2	0,015	4
C	mặt 1	0,016	7
D	mặt 1	0,038	6

Hỏi: nên chọn phương án sửa nào?

A. Phương án C **B.** Phương án B **C.** Phương án D **D.** Phương án A

Câu 6. Xét theo nguồn gốc, amylopectin thuộc loại polymer

A. thiên nhiên **B.** tổng hợp **C.** bán tổng hợp **D.** vô cơ

Câu 7. Một người có 4 lít máu, nồng độ glucose trong máu là $0,12\%$ về khối lượng. Coi khối lượng riêng của máu bằng 1 g/mL, khối lượng glucose trong máu người ấy là

A. 480 g **B.** $0,5$ g **C.** 4 g **D.** $4,8$ g

Câu 8. Thuỷ phân hoàn toàn một phân tử lactose thu được

A. Nhiều phân tử glucose
B. Một phân tử glucose và một phân tử fructose
C. Một phân tử glucose và một phân tử galactose
D. Hai phân tử glucose

Câu 9. Đun formic acid (HCOOH) với methanol (CH_3OH) có H_2SO_4 đặc làm xúc tác, sản phẩm hữu cơ thu được là

A. $C_2H_5COOCH_3$ **B.** CH_3COOCH_3 **C.** $CH_3COOC_2H_5$ **D.** $HCOOCH_3$

Câu 10. Khi chuyển glutamic acid thành monosodium glutamate, phân tử khối tăng

A. 18 đơn vị **B.** 44 đơn vị **C.** 40 đơn vị **D.** 22 đơn vị